

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

---

**Tháng 3 năm 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN**

Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32

## CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN

Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn An	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Nam	Tổng Giám đốc
Ông Trần Vũ Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

##### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn An - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người ký báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là Ông Nguyễn Ngọc Nam - Tổng Giám đốc theo Giấy ủy quyền số 175/2023/UQ-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của ông Lê Văn An - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và sai phạm khác.



Số: *141/VACO/BCKiT.NV2*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng đối với các khoản nợ phải thu ngắn hạn khó đòi với số dư khoảng 86 tỷ VND. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì: (i) Trên Bảng cân đối kế toán (cột Cuối năm) chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sẽ tăng lên và chỉ tiêu LNST chưa phân phối giảm đi khoảng 60,5 tỷ VND; (cột Đầu năm), chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sẽ tăng lên và chỉ tiêu LNST chưa phân phối giảm đi khoảng 49,1 tỷ VND; (ii) Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (cột Năm nay), chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng lên và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế sẽ giảm đi giá trị khoảng 11,4 tỷ VND; (cột Năm trước), chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng lên và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế sẽ giảm đi giá trị khoảng 49,1 tỷ VND.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 28 và số 33 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngoài số tiền phạt 584 triệu VND theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 29/QĐ-XPHC ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Chánh Thanh tra Sở Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội, Công ty chưa xác định nghĩa vụ tiềm tàng (nếu có) phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trên diện tích đất Nông trường tại thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được phát hành với ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi và bổ sung Vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến nghĩa vụ tiềm tàng (nếu có) liên quan đến hoạt động kinh doanh trên diện tích đất Nông trường tại huyện Chương Mỹ. Các vấn đề này tiếp tục được trình bày trên báo cáo tài chính năm nay (như trình bày tại đoạn cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ và Vấn đề cần nhấn mạnh trên đây).



**Chữ Mạnh Hoan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

**Nguyễn Thị Huyền**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>101.976.368.522</b>	<b>96.221.165.821</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>6.563.538.291</b>	<b>8.344.968.711</b>
1. Tiền	111		6.563.538.291	8.344.968.711
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>5.000.420.000</b>	<b>420.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		420.000	420.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>89.421.972.223</b>	<b>87.134.248.994</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	100.041.061.301	97.953.258.452
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.128.975.615	893.006.715
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	586.526.812	622.575.332
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.334.591.505)	(12.334.591.505)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>873.347.444</b>	<b>672.485.619</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	873.347.444	672.485.619
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>117.090.564</b>	<b>69.042.497</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.708.967	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	93.381.597	69.042.497
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.095.803.354</b>	<b>12.519.474.201</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.698.986.834</b>	<b>7.050.347.057</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.698.986.834	7.050.347.057
- Nguyên giá	222		25.031.469.099	25.543.968.718
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.332.482.265)	(18.493.621.661)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>2.646.874.588</b>	<b>3.599.895.717</b>
- Nguyên giá	231		29.633.571.182	33.648.070.194
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.986.696.594)	(30.048.174.477)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>631.377.545</b>	<b>631.377.545</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		631.377.545	631.377.545
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>760.000.000</b>	<b>760.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		760.000.000	760.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>358.564.387</b>	<b>477.853.882</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	358.564.387	477.853.882
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>112.072.171.876</b>	<b>108.740.640.022</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.934.294.205</b>	<b>15.583.700.576</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.932.470.505</b>	<b>12.964.156.876</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.238.070.671	1.803.884.395
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		59.400	4.860
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.268.548.465	3.455.086.257
4. Phải trả người lao động	314		1.386.935.000	1.518.367.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		34.810.360	357.201.422
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	964.817.848	934.011.838
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	609.800.000	1.663.200.006
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.429.428.761	3.232.401.098
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.001.823.700</b>	<b>2.619.543.700</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	172.423.700	180.343.700
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	1.829.400.000	2.439.200.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>99.137.877.671</b>	<b>93.156.939.446</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>99.137.877.671</b>	<b>93.156.939.446</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.958.689.940	17.649.118.444
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.179.187.731	45.507.821.002
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.358.833.875	33.331.103.164
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.820.353.856	12.176.717.838
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>112.072.171.876</b>	<b>108.740.640.022</b>



Nguyễn Ngọc Nam  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Ngô Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	57.630.977.310	65.385.612.278
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		57.630.977.310	65.385.612.278
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	31.542.290.700	37.355.325.520
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.088.686.610	28.030.286.758
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	193.433.143	84.198.190
6. Chi phí tài chính	22	24	364.949.609	573.912.107
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		364.949.609	573.912.107
7. Chi phí bán hàng	25	25	305.080.160	456.581.931
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.522.895.456	10.948.513.740
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		15.089.194.528	16.135.477.170
10. Thu nhập khác	31	27	1.308.320.381	220.940
11. Chi phí khác	32	28	718.267.460	37.683.063
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		590.052.921	(37.462.123)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.679.247.449	16.098.015.047
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.306.893.593	3.345.297.209
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		12.372.353.856	12.752.717.838
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.940	3.612



Nguyễn Ngọc Nam  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Ngô Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.679.247.449	16.098.015.047
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.232.264.352	2.181.866.727
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(193.433.143)	(84.198.190)
- Chi phí lãi vay	06	364.949.609	573.912.107
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.083.028.267	18.769.595.691
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.237.111.748)	4.784.515.137
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(200.861.825)	2.140.088.973
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.551.688.243)	(2.125.539.923)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	119.289.495	(75.385.871)
- Tiền lãi vay đã trả	14	359.102.212	(567.392.505)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.245.297.209)	(2.487.531.686)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.112.543.833)	(649.294.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.213.917.116	19.789.055.816
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(2.142.005.128)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.500.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	166.890.595	7.235.642
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.833.109.405)	(2.134.769.486)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	4.185.651.142
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.663.200.006)	(11.140.436.347)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.499.038.125)	(4.499.038.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.162.238.131)	(11.453.823.330)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.781.430.420)	6.200.463.000
Tiền đầu năm	60	8.344.968.711	2.144.505.711
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6.563.538.291	8.344.968.711



Nguyễn Ngọc Nam  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Ngô Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103584 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 6 năm 2023. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 30 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 32 người).

**Hoạt động chính**

- Kinh doanh phụ tùng vật tư, vật liệu.
- Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022. Một số chi tiêu được trình bày lại chi tiết tại Thuyết minh số 34- Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện Đắk Lắk	Số 15 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện - Xí nghiệp Cơ khí và Dịch vụ	Cơ 115A, Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện - Trung tâm dịch vụ cơ điện	Cơ Km 12, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện - Xí nghiệp Cao su Cơ điện	Cơ Thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện tại thành phố Hải Phòng (i)	Cơ Số 456 Lê Thánh Tông, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

**Ghi chú:**

- (i) Trong năm, Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện tại thành phố Hải Phòng đã thay đổi địa chỉ kinh doanh theo Quyết định số 96/2023/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 06 năm 2023.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

***Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)***

***Nợ phải trả tài chính:*** Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Tiền***

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

***Các khoản đầu tư tài chính***

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Chứng khoán kinh doanh, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu ích ước tính (Số năm)
Kho tàng, nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận tài sản được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại cơ khí nông nghiệp, vật tư xây dựng và cho thuê mặt bằng, nhà kho, kiot,.... Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Danh sách các bên liên quan**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG	Công ty do Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Công ty do Thành viên HĐQT giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện An Pha	Công ty con của MCG
Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê	Công ty liên kết của MCG
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ban lãnh đạo, Chủ sở hữu

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	124.138.851	214.145.119
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.439.399.440	8.130.823.592
<b>Cộng</b>	<b>6.563.538.291</b>	<b>8.344.968.711</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là 50 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu, mã chứng khoán HJS. Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.225.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.990.000 VND).

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	-	-
<i>b1) Ngắn hạn</i>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
<i>b2) Dài hạn</i>	<b>760.000.000</b>	<b>760.000.000</b>	<b>760.000.000</b>	<b>760.000.000</b>
- Trái phiếu (i)	760.000.000	760.000.000	760.000.000	760.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	760.000.000	760.000.000	760.000.000	760.000.000

Ghi chú:

(i) Trái phiếu của tổ chức phát hành là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm:

- 30 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm bắt đầu từ ngày 27 tháng 9 năm 2019, mệnh giá là 10.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 8,97%/năm. Trái tức được thanh toán vào ngày 27 tháng 9 hàng năm, trái phiếu không có tài sản đảm bảo.
- 4.600 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm bắt đầu từ ngày 30 tháng 7 năm 2020, mệnh giá là 100.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,58%/năm. Trái tức được thanh toán vào ngày 30 tháng 7 hàng năm, trái phiếu không có tài sản đảm bảo.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>17.540.039.043</b>	<b>18.100.273.335</b>
Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	7.248.765.066	7.248.765.066
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng HTH	3.147.191.148	3.147.191.148
Đối tượng khác	7.144.082.829	7.704.317.121
<b>b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>82.501.022.258</b>	<b>79.852.985.117</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Meco	24.462.841.958	24.462.841.958
Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Khê	13.301.172.874	13.301.172.874
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện An Pha	16.104.933.820	16.104.933.820
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	11.908.805.677	8.960.768.536
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	11.097.817.840	11.397.817.840
Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG	5.625.450.089	5.625.450.089
<b>Cộng</b>	<b>100.041.061.301</b>	<b>97.953.258.452</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Không Gian Việt	304.800.000	304.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Hà Thành	200.000.000	200.000.000
Ningbo ETDZ Holding Ltd	149.106.142	149.106.142
Đối tượng khác	475.069.473	239.100.573
<b>Cộng</b>	<b>1.128.975.615</b>	<b>893.006.715</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	540.000.000	-	540.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	46.026.812	-	82.075.332	-
<b>Cộng</b>	<b>586.526.812</b>	<b>-</b>	<b>622.575.332</b>	<b>-</b>

**9. NỢ XẤU**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	7.248.765.066	-	7.248.765.066	-
Công ty Cổ phần Gia phú	1.259.195.000	-	1.259.195.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Đạt Đức Ngươn	1.087.375.000	-	1.087.375.000	-
Công ty TNHH MTV Hà Anh Hưng	771.960.000	-	771.960.000	-
Công ty TNHH MTV Vật tư và Thiết bị nông nghiệp Sóng Tiền	672.588.000	-	672.588.000	-
Công ty TNHH Chang Won Vina	605.732.930	-	605.732.930	-
Phòng KD 2 - Ông Bùi Xuân Hiền	300.111.600	-	300.111.600	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Hà Thành	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty TNHH Quang Khoa Đông Anh	167.106.574	-	167.106.574	-
Công ty Cổ phần Y tế Cuộc sống mới	21.757.335	-	21.757.335	-
<b>Cộng</b>	<b>12.334.591.505</b>	<b>-</b>	<b>12.334.591.505</b>	<b>-</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	873.347.444	-	672.485.619	-
<b>Cộng</b>	<b>873.347.444</b>	<b>-</b>	<b>672.485.619</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN**  
Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**MÃU SỐ B09 - DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Kho tàng, nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	12.784.188.612	7.553.592.872	5.170.687.234	35.500.000	25.543.968.718
Thanh lý, nhượng bán	(458.885.374)	(53.614.245)	-	-	(512.499.619)
Số cuối năm	12.325.303.238	7.499.978.627	5.170.687.234	35.500.000	25.031.469.099
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	11.654.011.085	2.635.748.877	4.168.361.699	35.500.000	18.493.621.661
Khấu hao trong năm	244.191.650	662.540.833	444.627.740	-	1.351.360.223
Giảm do thanh lý	(458.885.374)	(53.614.245)	-	-	(512.499.619)
Số cuối năm	11.439.317.361	3.244.675.465	4.612.989.439	35.500.000	19.332.482.265
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	1.130.177.527	4.917.843.995	1.002.325.535	-	7.050.347.057
Số cuối năm	885.985.877	4.255.303.162	557.697.795	-	5.698.986.834

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 12.290.183.941 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 12.722.434.560 VND).

Công ty đã thế chấp tài sản với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.543.636.364 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 5.543.636.364 VND), giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.850.168.364 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.404.532.364 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	33.648.070.194	33.648.070.194
Thanh lý, nhượng bán	(4.014.499.012)	(4.014.499.012)
Số dư cuối năm	<u>29.633.571.182</u>	<u>29.633.571.182</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>		
Số đầu năm	30.048.174.477	30.048.174.477
Khấu hao trong năm	880.904.129	880.904.129
Thanh lý, nhượng bán	(3.942.382.012)	(3.942.382.012)
Số dư cuối năm	<u>26.986.696.594</u>	<u>26.986.696.594</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số đầu năm	<u>3.599.895.717</u>	<u>3.599.895.717</u>
Số dư cuối năm	<u>2.646.874.588</u>	<u>2.646.874.588</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không thu thập được thông tin tài sản so sánh phù hợp, vì vậy, chưa xác định được giá trị hợp lý này và vì vậy chưa trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Hiện tại, Công ty vẫn đang tìm kiếm công ty tư vấn độc lập phù hợp để đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 27.123.261.182 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 25.991.892.145 VND).

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	143.240.673	240.267.298
Chi phí trả trước dài hạn khác	215.323.714	237.586.584
<b>Cộng</b>	<u>358.564.387</u>	<u>477.853.882</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cơ khí Cầu trục Thánh Khởi	980.680.250	980.680.250	980.680.250	980.680.250
Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội	586.263.502	586.263.502	586.263.502	586.263.502
Công ty TNHH Đầu tư & Thương mại Công nghiệp Hưng Phát	299.726.435	299.726.435	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập Máy kéo Trung Quốc	84.043.117	84.043.117	84.043.117	84.043.117
Đối tượng khác	287.357.367	287.357.367	152.897.526	152.897.526
<b>Cộng</b>	<b>2.238.070.671</b>	<b>2.238.070.671</b>	<b>1.803.884.395</b>	<b>1.803.884.395</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu	Số đã thực nộp/thu	Số cuối năm
	(Trình bày lại)	trong năm	trong năm	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	891.721.878	3.022.883.297	3.163.617.745	750.987.430
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.445.297.209	3.306.893.593	3.245.297.209	1.506.893.593
Thuế thu nhập cá nhân	8.541.943	51.281.409	49.155.910	10.667.442
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.109.525.227	29.732.356	1.139.257.583	-
Thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.455.086.257</b>	<b>6.418.790.655</b>	<b>7.605.328.447</b>	<b>2.268.548.465</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	152.525	-	-	152.525
Thuế xuất nhập khẩu	17.771.857	-	-	17.771.857
Thuế thu nhập cá nhân	26.736.665	416.121.099	375.812.999	67.044.765
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	24.381.450	182.633.469	166.664.469	8.412.450
<b>Cộng</b>	<b>69.042.497</b>	<b>598.754.568</b>	<b>542.477.468</b>	<b>93.381.597</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>964.817.848</b>	<b>934.011.838</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phước An	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	764.817.848	734.011.838
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>172.423.700</b>	<b>180.343.700</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	172.423.700	180.343.700

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG CƠ ĐIỆN**  
Số 56 ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai,  
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**MẪU SỐ B09 - DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>609.800.000</b>	<b>609.800.000</b>	<b>1.663.200.006</b>	<b>609.800.000</b>	<b>1.663.200.006</b>	<b>1.663.200.006</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	1.053.400.006	-	1.053.400.006	1.053.400.006
Vay dài hạn đến hạn trả	609.800.000	609.800.000	609.800.000	609.800.000	609.800.000	609.800.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)</i>	<b>609.800.000</b>	<b>609.800.000</b>	<b>609.800.000</b>	<b>609.800.000</b>	<b>609.800.000</b>	<b>609.800.000</b>
<i>Vay dài hạn</i>	<b>1.829.400.000</b>	<b>1.829.400.000</b>	<b>609.800.000</b>	<b>-</b>	<b>2.439.200.000</b>	<b>2.439.200.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	1.829.400.000	1.829.400.000	609.800.000	-	2.439.200.000	2.439.200.000

Ghi chú:

- (i) Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay số 462/2020/HĐCVTL/NHCT142-PTCD ngày 09 tháng 11 năm 2020, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích cho vay là Đầu tư mua và lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái. Tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị dây cáp điện và phụ kiện khác hình thành trong tương lai của hệ thống điện mặt trời áp mái và các quyền, lợi ích từ các hợp đồng bảo hiểm (nếu có) của tài sản này theo Hợp đồng thế chấp số 461/2020/HĐBĐ/NHCT142-PTCD ngày 09 tháng 11 năm 2020.

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	609.800.000	609.800.000
Trong năm thứ hai	609.800.000	609.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.219.600.000	1.829.400.000
<b>Cộng</b>	<b>2.439.200.000</b>	<b>3.049.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối (Trình bày lại)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	16.396.662.644	40.441.250.205	86.837.912.849
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.752.717.838	12.752.717.838
Trích lập các quỹ	-	1.252.455.800	(2.504.911.600)	(1.252.455.800)
Chia cổ tức	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chi thường vượt lợi nhuận năm 2021	-	-	(105.235.441)	(105.235.441)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát 2022 (i)	-	-	(576.000.000)	(576.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>17.649.118.444</b>	<b>45.507.821.002</b>	<b>93.156.939.446</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.372.353.856	12.372.353.856
Trích lập các quỹ (i)	-	1.309.571.496	(2.619.142.992)	(1.309.571.496)
Chia cổ tức (i)	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chi thường vượt lợi nhuận năm 2022 (i)	-	-	(29.844.135)	(29.844.135)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát 2023 (ii)	-	-	(552.000.000)	(552.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>18.958.689.940</b>	<b>50.179.187.731</b>	<b>99.137.877.671</b>

**Ghi chú:**

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 99/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023. Trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng: 654.785.748 VND
- Trích lập quỹ phúc lợi: 654.785.748 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.309.571.496 VND
- Chia cổ tức tỷ lệ 15%: 4.500.000.000 VND
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (không kiêm nhiệm): 576.000.000 VND
- Thương cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành: 29.844.135 VND

(ii) Công ty tạm trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 99/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 552.000.000 VND.

Trong năm, Công ty đã chi trả 2.233.845.000 VND cổ tức cho Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP và 2.265.193.125 VND cho các cổ đông khác.

*b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	14.892.300.000	49,64%	14.892.300.000	49,64%
Các cổ đông khác	15.107.700.000	50,36%	15.107.700.000	50,36%
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngoại tệ (USD)	4.458,61	4.471,81

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ**

a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các hoạt động chính sau:

- Hoạt động bán hàng.
- Hoạt động cung cấp dịch vụ.

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận lĩnh vực như sau:

Năm nay	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>20.804.604.314</b>	<b>36.826.372.996</b>	<b>57.630.977.310</b>
	<b>20.804.604.314</b>	<b>36.826.372.996</b>	<b>57.630.977.310</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận</b>	<b>72.400.377</b>	<b>26.016.286.233</b>	<b>26.088.686.610</b>
Chi phí không phân bổ			(10.827.975.616)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>15.260.710.994</b>
Doanh thu từ hoạt động đầu tư			193.433.143
Chi phí từ hoạt động tài chính			(364.949.609)
Lãi khác			590.052.921
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>15.679.247.449</b>
Thuế TNDN hiện hành			3.306.893.593
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>12.372.353.856</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

**a) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận lĩnh vực như sau (Tiếp theo):

Năm trước	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	24.364.002.679	41.021.609.599	65.385.612.278
	<b>24.364.002.679</b>	<b>41.021.609.599</b>	<b>65.385.612.278</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận</b>	<b>591.097.142</b>	<b>27.439.189.616</b>	<b>28.030.286.758</b>
Chi phí không phân bổ			(11.405.095.671)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>16.625.191.087</b>
Doanh thu từ hoạt động đầu tư			84.198.190
Chi phí từ hoạt động tài chính			(573.912.107)
Lãi/(Lỗ) khác			(37.462.123)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>16.098.015.047</b>
Thuế TNDN hiện hành			3.345.297.209
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>12.752.717.838</b>

**b) Bộ phận theo khu vực địa lý**

Các hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	20.804.604.314	24.364.002.679
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.826.372.996	41.021.609.599
<b>Cộng</b>	<b>57.630.977.310</b>	<b>65.385.612.278</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Giá vốn hàng bán	20.732.203.937	23.772.905.537
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.810.086.763	13.582.419.983
<b>Cộng</b>	<b>31.542.290.700</b>	<b>37.355.325.520</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	193.433.143	84.198.190
<b>Cộng</b>	<b>193.433.143</b>	<b>84.198.190</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	364.949.609	573.912.107
<b>Cộng</b>	<b>364.949.609</b>	<b>573.912.107</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm</i>	<i>10.522.895.456</i>	<i>10.948.513.740</i>
Chi phí nhân công	7.072.364.881	7.031.703.574
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	72.364.594	65.305.878
Chi phí khấu hao	410.169.920	426.812.000
Chi phí thuế, phí lệ phí	141.507.551	142.696.148
Chi phí mua ngoài	367.211.781	604.129.930
Chi phí khác bằng tiền	2.459.276.729	2.677.866.210
<i>Chi phí bán hàng trong năm</i>	<i>305.080.160</i>	<i>456.581.931</i>
Chi phí nhân công	305.080.160	456.581.931

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.377.445.041	7.488.285.505
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	72.364.594	1.418.199.078
Chi phí khấu hao	2.232.264.352	2.181.866.717
Chi phí dự phòng	141.507.551	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.461.909.853	6.231.770.595
Chi phí khác bằng tiền	6.352.570.988	6.957.174.129
<b>Cộng</b>	<b>21.638.062.379</b>	<b>24.277.296.024</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	645.239.200	-
Thanh lý tài sản	663.081.181	-
Thu nhập khác	-	220.940
<b>Cộng</b>	<b>1.308.320.381</b>	<b>220.940</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Giá trị còn lại bất động sản đầu tư, chi phí trả trước (i)	129.588.500	-
Chi phí phạt hành chính (ii)	584.000.000	-
Chi phí khác	4.678.960	37.683.063
<b>Cộng</b>	<b><u>718.267.460</u></b>	<b><u>37.683.063</u></b>

Ghi chú:

- (i) Theo Quyết định số 3819/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện (Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện tại thành phố Hải Phòng đang sử dụng tại phường Máy Chai, quận Ngô Quyền do hết thời hạn sử dụng đất, theo đó, các tài sản bất động sản đầu tư và công cụ dụng cụ còn giá trị còn lại nhưng không còn khả năng thu hồi được Công ty hạch toán vào chi phí trong năm.
- (ii) Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 29/QĐ-XPHC ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Chánh Thanh tra Sở Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội về việc cho thuê lại đất khi không đủ điều kiện diện tích 6.000 m<sup>2</sup> đất tại thôn Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, thời gian vi phạm từ ngày 26 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2022.

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.679.247.449	16.098.015.047
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	855.220.518	628.470.999
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>855.220.518</i>	<i>628.470.999</i>
Chi phí không được trừ	855.220.518	628.470.999
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>16.534.467.967</b>	<b>16.726.486.046</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>3.306.893.593</u></b>	<b><u>3.345.297.209</u></b>

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế trong năm sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 855.220.518 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.372.353.856	12.752.717.838
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.309.571.496)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách (i)	(552.000.000)	(576.000.000)
Thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	-	(29.844.135)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>11.820.353.856</b>	<b>10.837.302.207</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.940</b>	<b>3.612</b>

Ghi chú:

- (i) Công ty trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 99/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 552.000.000 VND.

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023, do đó, chưa có cơ sở để xác định các khoản điều chỉnh lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ đông.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 99/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 4.365 VND/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 6, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

**Giao dịch bên bên quan phát sinh trong năm:**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>	<b>4.936.849.878</b>	<b>19.855.543.349</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện MECO	-	11.539.200.651
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	4.936.849.878	7.736.125.298
Công ty Cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG	-	375.383.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	-	204.834.400
<b>Thu tiền bán hàng</b>	<b>2.761.287.495</b>	<b>23.363.291.881</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện MECO	-	14.117.384.788
Công ty Cổ phần Cơ khí Văn Lâm	300.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng MCG	2.461.287.495	8.245.907.093

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:**

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Lê Văn An	Chủ tịch HĐQT	276.000.000	288.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	138.000.000	144.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên HĐQT	526.140.000	502.284.000
	Tổng Giám đốc		
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	138.000.000	144.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT	138.000.000	144.000.000
Ông Trần Vũ Long	Phó Tổng Giám đốc	324.050.000	305.652.000
Bà Ngô Thị Lan Hương	Kế toán trưởng	281.480.000	254.131.300
Bà Trần Thu Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	138.000.000	144.000.000
Ông Lê Văn Bày	Thành viên Ban Kiểm soát	69.000.000	72.000.000
Bà Vũ Thủy An	Thành viên Ban Kiểm soát	69.000.000	72.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	2.439.200.000	4.102.400.006
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.563.538.291	8.344.968.711
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	99.137.877.671	93.156.939.446
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.563.538.291	8.344.968.711
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.752.996.608	85.701.242.279
Đầu tư tài chính	5.760.420.000	760.420.000
<b>Cộng</b>	<b>100.076.954.899</b>	<b>94.806.630.990</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	2.439.200.000	4.102.400.006
Phải trả người bán và phải trả khác	3.375.312.219	2.918.239.933
Chi phí phải trả	34.810.360	357.201.422
<b>Cộng</b>	<b>5.849.322.579</b>	<b>7.377.841.361</b>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.563.538.291	-	6.563.538.291
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.752.996.608	-	87.752.996.608
Đầu tư tài chính	5.000.420.000	760.000.000	5.760.420.000
<b>Cộng</b>	<b>99.316.954.899</b>	<b>760.000.000</b>	<b>100.076.954.899</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay	609.800.000	1.829.400.000	2.439.200.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.202.888.519	172.423.700	3.375.312.219
Chi phí phải trả	34.810.360	-	34.810.360
<b>Cộng</b>	<b>3.847.498.879</b>	<b>2.001.823.700</b>	<b>5.849.322.579</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>95.469.456.020</b>	<b>(1.241.823.700)</b>	<b>94.227.632.320</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.344.968.711	-	8.344.968.711
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.701.242.279	-	85.701.242.279
Đầu tư tài chính	420.000	760.000.000	760.420.000
<b>Cộng</b>	<b>94.046.630.990</b>	<b>760.000.000</b>	<b>94.806.630.990</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	1.663.200.006	2.439.200.000	4.102.400.006
Phải trả người bán và phải trả khác	2.737.896.233	180.343.700	2.918.239.933
Chi phí phải trả	357.201.422	-	357.201.422
<b>Cộng</b>	<b>4.758.297.661</b>	<b>2.619.543.700</b>	<b>7.377.841.361</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>89.288.333.329</b>	<b>(1.859.543.700)</b>	<b>87.428.789.629</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**33. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Quyết định số 617/QĐ-XDCB ngày 10 tháng 12 năm 1977 của Ủy ban Nhân dân Hà Sơn Bình về việc cho phép Công ty được sử dụng 4ha đất đồi dứa của Nông trường Xuân Mai (nay thuộc thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội) để xây dựng kho, khung sắt chứa các thiết bị cơ khí và công cụ nông nghiệp. Diện tích đất này chưa được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ký quyết định giao đất, ký hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty cũng chưa làm thủ tục chuyển sang đất thuê nhưng đã cho các đơn vị thuê lại một phần diện tích trên để kinh doanh, làm xưởng sản xuất,...

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội ra Quyết định số 29/QĐ-XPHC phạt Công ty về việc vi phạm hành chính do cho thuê đất khi không đủ điều kiện với diện tích đất này với thời gian vi phạm từ ngày 26 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Công ty chưa xác định nghĩa vụ tiềm tàng (nếu có) có thể phát sinh từ việc vẫn tiếp tục hợp tác kinh doanh với các đơn vị trên diện tích đất này khi chưa hoàn thiện các thủ tục nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Phước An (đơn vị đã từng thuê một phần diện tích đất này - Hợp đồng thuê đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022) đang trong quá trình giải quyết các khiếu nại Công ty liên quan đến hoạt động thuê và cho thuê đối với phần diện tích tại khu Nông trường Xuân Mai (nay thuộc thôn Xuân Sen, xã Thụy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội).

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu của báo cáo năm trước được trình bày lại để phù hợp với số liệu so sánh năm nay, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.689.361.030	765.725.227	3.455.086.257
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	46.273.546.229	(765.725.227)	45.507.821.002
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	33.177.831.271	153.271.893	33.331.103.164
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	13.095.714.958	(918.997.120)	12.176.717.838
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
1. Giá vốn hàng bán	11	37.012.328.400	342.997.120	37.355.325.520
2. Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và dịch vụ	20	28.373.283.878	(342.997.120)	28.030.286.758
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	16.478.474.290	(342.997.120)	16.135.477.170
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	16.441.012.167	(342.997.120)	16.098.015.047
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	13.095.714.958	(342.997.120)	12.752.717.838

**Ghi chú:**

Công ty trình bày lại do bổ sung tiền thuê đất từ năm 2016 đến năm 2022 theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 9806/CCTKV-TTTBTK ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thuế Khu vực Thanh Oai - Chương Mỹ và phân loại lại Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022.



Nguyễn Ngọc Nam  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Ngô Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Lan Hương  
Người lập biểu